

Số: **10085** /QĐ-UBND

Bình Chánh, ngày **27** tháng **11** năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về công nhận kết quả xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo  
khối Trung học cơ sở, năm học 2024 – 2025**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010; Luật sửa đổi, bổ sung  
một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11  
năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của  
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định  
số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ  
sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020  
về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ  
Nội vụ về ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức,  
thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên  
chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch, thi  
hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng xét tuyển viên chức ngành giáo dục và  
đào tạo khối Trung học cơ sở, năm học 2024 – 2025 tại Tờ trình  
số **797** /TTr-HĐ ngày **26** tháng **11** năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công nhận kết quả xét tuyển viên chức ngành giáo dục và đào tạo  
khối Trung học cơ sở, năm học 2024 – 2025 đối với 382 người, cụ thể như sau:

- Thí sinh trúng tuyển: 93 người;
- Thí sinh không trúng tuyển: 289 người.

*(Đính kèm danh sách kết quả xét tuyển viên chức vòng 2)*

**Điều 2.** Giao Hiệu trưởng các Trường có ứng viên đăng ký dự tuyển phối  
hợp với Hội đồng xét tuyển viên chức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết  
định công nhận kết quả tuyển dụng, phải thông báo công khai trên cổng thông  
tin điện tử Huyện và cổng thông tin điện tử của đơn vị (nếu có). Đồng thời, gửi  
thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo  
địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn  
người trúng tuyển phải đến để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng theo quy định tại



Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Huyện, Trưởng phòng Nội vụ, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Hiệu trưởng các Trường có ứng viên đăng ký dự tuyển chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- TTUB;
- HDXTVC;
- PCVP (H);
- Ban Biên tập Cổng thông tin điện tử của Huyện;
- Lưu: VT-TH, PNV.Tr.

**CHỦ TỊCH**



**Võ Đức Thanh**





**KẾT QUẢ XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC VÒNG 2**  
**NGÀNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHỎI TRUNG HỌC CƠ SỞ NĂM HỌC 2024 - 2025**  
(Kèm theo Quyết định số 10085 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Huyện)

| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển      | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|-----------|------------|------------------------|---------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|------------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam       | Nữ         |                        |                                             |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                              |                         |
| 1   | Nguyễn Thị Kim Chi    |           | 20/8/1999  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | 74,33                                 | 0                         | 74,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 2   | Phùng Thị Huệ Phương  |           | 04/7/1997  | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | 66                                    | 0                         | 66                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 3   | Trần Thị Nguyệt Thanh |           | 31/7/1994  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | 77                                    | 0                         | 77                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 4   | Lê Như Ý              |           | 18/7/1996  | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 76,67                                 | 0                         | 76,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 5   | Nguyễn Trần Cẩm Anh   |           | 07/02/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Ngữ văn                             |                    |                  |                                                                                                                                                   | 77,33                                 | 0                         | 77,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 6   | Trần Thị Ngọc Chi     |           | 05/11/1996 | Cử nhân                | Sư phạm Ngữ văn                             |                    |                  |                                                                                                                                                   | 81,33                                 | 0                         | 81,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 7   | Huỳnh Thái Chương     | 24/3/1997 |            | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Ngữ văn;<br>- Ngành Ngôn ngữ học. |                    |                  |                                                                                                                                                   | 62                                    | 5                         | 67                       | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 8   | Châu Thị Linh Huệ     |           | 08/10/1988 | Cử nhân                | Ngữ văn                                     |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm                                                                                                                       | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 9   | Phạm Thị Kim Huyền    |           | 19/11/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Ngữ văn                             |                    |                  |                                                                                                                                                   | 81,33                                 | 0                         | 81,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển      | Kết quả                 |
|-----|-------------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|------------------------------|-------------------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                              |                         |
| 10  | Ngô Nguyên Hưng         |            | 26/8/1997  | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn           |                    |                  |                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 11  | Phan Thị Thanh Tâm      |            | 29/4/1988  | Cử nhân             | Ngữ văn                   |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm Lý luận dạy học và Giáo dục | 91,17                                 | 0                         | 91,17                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 12  | Trần Thị Mai Trang      |            | 22/4/1986  | Cử nhân             | Sư phạm Mỹ thuật          |                    |                  |                                                         | 78,33                                 | 0                         | 78,33                    | Giáo viên môn Mỹ thuật                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 13  | Đoàn Hoàng Diễm         |            | 14/02/2002 | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | 46                                    | 0                         | 46                       | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 14  | Trương Nguyễn Mạnh Đình | 18/4/2001  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 15  | Nguyễn Văn Khải         | 26/3/2002  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | 41                                    | 0                         | 41                       | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 16  | Trần Hồ Gia Lực         | 23/10/2002 |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | 86,67                                 | 0                         | 86,67                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |
| 17  | Đặng Việt Phú           | 06/11/2002 |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | 66,67                                 | 0                         | 66,67                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 18  | Huỳnh Kim Thủy          |            | 28/3/2002  | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 19  | Ngô Tấn Trọng           | 15/4/2000  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 20  | Tô Minh Vũ              | 05/4/1995  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 21  | Thái Ngọc Bích          |            | 28/5/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                         | 87                                    | 0                         | 87                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh         | Ngày sinh |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                                             | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển      | Kết quả                 |
|-----|----------------------------|-----------|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|------------------------------|-------------------------|
|     |                            | Nam       | Nữ         |                        |                                                                                          |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                              |                         |
| 22  | Đỗ Thị Cát Huệ             |           | 12/5/2002  | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                   | 67,67                                 | 0                         | 67,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 23  | Lê Trần Gia Linh           |           | 25/01/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                   | 63,33                                 | 0                         | 63,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 24  | Đoàn Thị Yến Linh          |           | 21/02/1995 | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Vật lý;<br>- Khoa học Giáo dục (Ly luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý). |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                           | 85,33                                 | 0                         | 85,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 25  | Nguyễn Văn Thành Nam       | 12/6/2001 |            | Cử nhân                | Sư phạm Vật lý                                                                           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                      | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Vắng, Không trúng tuyển |
| 26  | Trần Thu Ngân              |           | 24/6/2001  | Cử nhân                | Sư phạm Sinh học                                                                         |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                      | 73,33                                 | 0                         | 73,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 27  | Nguyễn Âu Dương Chấn Phong | 04/8/2002 |            | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                   | 52,67                                 | 5                         | 57,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 28  | Trương Thanh Thương        |           | 22/6/2001  | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                   | 65,67                                 | 0                         | 65,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Thái Bình | Không trúng tuyển       |
| 29  | Lê Trần Kim Hương          |           | 26/11/1999 | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                                                             |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 61,33                                 | 0                         | 61,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú        | Không trúng tuyển       |
| 30  | Trần Thị Nguyệt Thanh      |           | 31/7/1994  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                                                        |                    |                  |                                                                                                                                                   | 95,67                                 | 0                         | 95,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú        | Trúng tuyển             |
| 31  | Quách Thị Vân Anh          |           | 03/01/1997 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                                                        |                    |                  |                                                                                                                                                   | 66,67                                 | 0                         | 66,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú        | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn           | Chuyên ngành                  | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|------------|------------|-------------------------------|-------------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |                               |                               |                    |                  |                                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 32  | Lâm Thanh Ngọc        |            | 09/3/1994  | Cử nhân                       | Sư phạm Tiếng Anh             |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 33  | Ngô Nguyên Hưng       |            | 26/8/1997  | Cử nhân                       | Sư phạm Ngữ văn               |                    |                  |                                                                         | 78                                    | 0                         | 78                       | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phong Phú   | Trúng tuyển             |
| 34  | Ngô Nguyên Hưng       |            | 26/8/1997  | Cử nhân                       | Sư phạm Ngữ văn               |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 35  | Nguyễn Thị Ái Vân     |            | 27/12/1982 | - Cử nhân sư phạm<br>-Thạc sĩ | - Ngữ văn;<br>- Ngôn Ngữ học. |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 36  | Đặng Việt Phú         | 06/11/2002 |            | Cử nhân                       | Giáo dục Thể chất             |                    |                  |                                                                         | 76,33                                 | 0                         | 76,33                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 37  | Ngô Tấn Trọng         | 15/4/2000  |            | Cử nhân                       | Giáo dục Thể chất             |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 38  | Nguyễn Quốc Huy       | 17/5/2000  |            | Cử nhân                       | Giáo dục Thể chất             |                    |                  |                                                                         | 63,67                                 | 0                         | 63,67                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 39  | Nguyễn Phạm Thu Tuyền |            | 25/12/2002 | Cử nhân                       | Giáo dục Thể chất             |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 40  | Nguyễn Ngọc Khánh     | 18/10/1996 |            | Cử nhân                       | Sư phạm Âm nhạc               |                    |                  |                                                                         | 87                                    | 0                         | 87                       | Giáo viên môn Âm nhạc                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 41  | Nguyễn Chí Thuận      | 26/02/2001 |            | Cử nhân                       | Sư phạm Địa lý                |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Lịch sử và Địa lý            | 88,33                                 | 0                         | 88,33                    | Giáo viên môn Lịch Sử - Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 42  | Phạm Thị Hương        |            | 09/4/1985  | Cử nhân                       | Sư phạm Vật lí                |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 74                                    | 0                         | 74                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 43  | Thái Ngọc Bích        |            | 28/5/2002  | Cử nhân                       | Sư phạm Khoa học tự nhiên     |                    |                  |                                                                         | 84,67                                 | 0                         | 84,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 44  | Đặng Thị Phương Anh   |            | 24/9/2002  | Cử nhân                       | Sư phạm Khoa học tự nhiên     |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 45  | Phan Thị Kiều Diễm    |            | 01/3/2002  | Cử nhân                       | Sư phạm Khoa học tự nhiên     |                    |                  |                                                                         | 80                                    | 0                         | 80                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh     | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|------------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 46  | Trương Thị Thanh Hiền  |            | 09/02/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 81                                    | 0                         | 81                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 47  | Lê Nguyễn Ngọc Hân     |            | 04/7/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 71,67                                 | 0                         | 71,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 48  | Đặng Thị Thủy Ngọc     |            | 20/4/1991  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 64,33                                 | 0                         | 64,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 49  | Lưu Hồng               |            | 19/10/1999 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 82,67                                 | 5                         | 87,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 50  | Nguyễn Thị Thanh Tuyết |            | 05/3/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 51  | Dương Lê Mỹ An         |            | 15/3/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 92,67                                 | 0                         | 92,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 52  | Lâm Văn Cường          | 08/12/1998 |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 83,33                                 | 0                         | 83,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Không trúng tuyển       |
| 53  | Trương Thanh Thương    |            | 22/6/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 54  | Nguyễn Văn Thanh Sơn   | 11/9/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Qui Đức     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 55  | Nguyễn Thị Ngọc Hương  |            | 31/5/1980  | Đại học             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện                                | 54,67                                 | 0                         | 54,67                    | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | Trường THCS Qui Đức     | Trúng tuyển             |
| 56  | Hồ Hải Nghi            |            | 29/5/1999  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                         | 79,33                                 | 0                         | 79,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Trúng tuyển             |
| 57  | Mai Hoàng Bảo Trân     |            | 07/02/1999 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                         | 75                                    | 0                         | 75                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn        | Chuyên ngành                                  | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|------------|------------|----------------------------|-----------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |                            |                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 58  | Lê Thị Tuyết Vân      |            | 01/9/1988  | Cử nhân                    | Ngữ văn Anh                                   |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 70                                    | 0                         | 70                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Không trúng tuyển       |
| 59  | Ngô Nguyên Hưng       |            | 26/8/1997  | Cử nhân                    | Sư phạm Ngữ văn                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 60  | Trần Thị Mai Trang    |            | 22/4/1986  | Cử nhân                    | Sư phạm Mỹ Thuật                              |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Mỹ thuật                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 61  | Nguyễn Minh Đào       | 26/10/1991 |            | - Cử nhân<br><br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Lịch sử;<br><br>- Lịch sử Việt Nam. |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Lịch sử và Địa lí                                                                                      | 87                                    | 2,5                       | 89,5                     | Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Trúng tuyển             |
| 62  | Hồ Nguyễn Bích Trâm   |            | 05/12/2002 | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                     |                    |                  |                                                                                                                                                   | 62,33                                 | 0                         | 62,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Không trúng tuyển       |
| 63  | Lê Thị Cẩm Ly         |            | 18/5/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                     |                    |                  |                                                                                                                                                   | 70,33                                 | 0                         | 70,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Trúng tuyển             |
| 64  | Trương Thị Thanh Hiền |            | 09/02/2002 | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                     |                    |                  |                                                                                                                                                   | 60                                    | 0                         | 60                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Không trúng tuyển       |
| 65  | Trương Thanh Thương   |            | 22/6/2001  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                     |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 66  | Nguyễn Ngọc Ngân      |            | 11/9/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                     |                    |                  |                                                                                                                                                   | 66,33                                 | 0                         | 66,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đa Phước    | Không trúng tuyển       |
| 67  | Nguyễn Thị Kim Quyên  |            | 25/11/1995 | Cử nhân                    | Kế toán                                       |                    |                  |                                                                                                                                                   | 56,33                                 | 0                         | 56,33                    | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     | Trường THCS Đa Phước    | Trúng tuyển             |
| 68  | Nguyễn Thụy Bích Thu  |            | 22/6/1990  | Cử nhân                    | Tài chính - Ngân hàng                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     | Trường THCS Đa Phước    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 69  | Châu Bích Trâm        |            | 22/9/1997  | Cử nhân                    | Tài chính - Ngân hàng                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     | Trường THCS Đa Phước    | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh  | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành          | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                      | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|---------------------|------------|------------|---------------------|-----------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                     | Nam        | Nữ         |                     |                       |                    |                  |                                                                                                                     | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 70  | Lê Thị Thu Hiền     |            | 20/8/1987  | Cử nhân             | Ngữ Văn               |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm Lý luận dạy học và Giáo dục                                                             | 55,67                                 | 0                         | 55,67                    | Giáo viên môn Ngữ Văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Hưng Long   | Trúng tuyển             |
| 71  | Bùi Thị Thảo        |            | 09/10/1982 | Cử nhân             | Văn học               |                    |                  | Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy                                            | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ Văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Hưng Long   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 72  | Nguyễn Thị Ánh Trúc |            | 02/6/1986  | Cử nhân             | Giáo dục Chính trị    |                    |                  | Bằng tốt nghiệp Chương trình đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên phụ trách công tác Đội       | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Hưng Long   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 73  | Châu Bích Trâm      |            | 22/9/1997  | Cử nhân             | Tài chính - Ngân hàng |                    |                  |                                                                                                                     | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Nhân viên Kế toán                      | Kế toán viên trung cấp    | 06.032     | Trường THCS Hưng Long   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 74  | Võ Thị Mỹ Duyên     |            | 02/01/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học      |                    |                  |                                                                                                                     | 81,33                                 | 0                         | 81,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 75  | Huỳnh Trí Khang     | 03/11/1999 |            | Cử nhân             | Toán ứng dụng         |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Toán học cấp Trung học cơ sở                                    | 75,33                                 | 0                         | 75,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 76  | Trương Văn Kim      | 20/9/1985  |            | Đại học             | Toán học              |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm ngành Toán học                                                                          | 74                                    | 0                         | 74                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 77  | Nguyễn Minh Phái    | 26/7/1987  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học      |                    |                  |                                                                                                                     | Vắng                                  | 2,5                       | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 78  | Phạm Trịnh Thái Hà  |            | 14/11/2001 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học      |                    |                  |                                                                                                                     | 73,67                                 | 0                         | 73,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 79  | Huỳnh Văn Giang     | 03/11/1996 |            | Cử nhân             | Toán học              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp bậc Trung học cơ sở (Toán học) | 72,67                                 | 0                         | 72,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 80  | Đinh Văn Hùng       | 21/7/1986  |            | Cử nhân             | Ngữ văn Anh           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                   | 0                                     | 0                         | 0                        | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 81  | Lê Thị Ngọc Thảo    |            | 29/7/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh     |                    |                  |                                                                                                                     | 80,67                                 | 0                         | 80,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 82  | Quách Thị Văn Anh   |            | 03/01/1997 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh     |                    |                  |                                                                                                                     | 59                                    | 0                         | 59                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|----------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 83  | Nguyễn Thị Ngọc Mai  |            | 14/4/1996  | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | 67                                    | 0                         | 67                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 84  | Lê Thiên Kim         |            | 25/01/1986 | Cử nhân             | Ngữ văn Anh               |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 68                                    | 0                         | 68                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 85  | Nguyễn Thị Ngọc Nga  |            | 01/4/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng anh         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 73,33                                 | 0                         | 73,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 86  | Nguyễn Lê Hồng Mai   |            | 20/10/2002 | Cử nhân             | Giáo dục chính trị        |                    |                  |                                                                                                                                                   | 79,17                                 | 0                         | 79,17                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 87  | Nguyễn Thị Thiên Kim |            | 27/7/2000  | Cử nhân             | Giáo dục chính trị        |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 88  | Lưu Thị Minh Tuyền   |            | 06/8/2000  | Cử nhân             | Giáo dục chính trị        |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 89  | Trần Huỳnh Hoài Hậu  | 23/11/1991 |            | Kỹ sư               | Công nghệ thông tin       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tin học cấp Trung học cơ sở                                                                   | 51,33                                 | 0                         | 51,33                    | Giáo viên môn Tin học                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 90  | Phạm Thị Hương       |            | 09/4/1985  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lí            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                           | 78,67                                 | 0                         | 78,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 91  | Trần Tấn Phát        | 14/3/1997  |            | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                      | 81                                    | 0                         | 81                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 92  | Phan Quốc Đạt        | 08/11/2002 |            | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 93  | Lê Nguyễn Ngọc Hân   |            | 04/7/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | 75,33                                 | 0                         | 75,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|----------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 94  | Nguyễn Thị Huỳnh Như |            | 22/8/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 74                                    | 0                         | 74                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 95  | Nguyễn Thị Bích Ngọc |            | 28/02/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 82,33                                 | 0                         | 82,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Trúng tuyển             |
| 96  | Nguyễn Trần Vy Anh   |            | 26/10/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 97  | Lê Thị Kim Thoa      |            | 04/11/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 98  | Tạ Thế Thạch         | 01/6/1996  |            | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Vắng, Không trúng tuyển |
| 99  | Trần Minh Tinh       | 12/10/1987 |            | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 77,67                                 | 0                         | 77,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Quý Tây | Không trúng tuyển       |
| 100 | Nguyễn Tấn Phong     | 30/8/1981  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | 60                                    | 0                         | 60                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh  | Không trúng tuyển       |
| 101 | Phan Ngọc Huyền      |            | 24/11/1997 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | 80,67                                 | 0                         | 80,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh  | Trúng tuyển             |
| 102 | Phạm Thị Vân Anh     |            | 03/11/1991 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | 60,33                                 | 0                         | 60,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Bình Chánh  | Không trúng tuyển       |
| 103 | Trần Thanh Vũ Tùng   | 14/12/1988 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 104 | Nguyễn Mai Tú Như    |            | 14/01/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 105 | Vô Thị Mỹ Duyên      |            | 02/01/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | 49                                    | 0                         | 49                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 106 | Nguyễn Tuyết Sương   |            | 22/12/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 107 | Bùi Thanh Hải        | 20/02/2002 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | 48,67                                 | 0                         | 48,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 108 | Nguyễn Văn Liệt      | 23/4/1983  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành        | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-------------------------|------------|------------|---------------------|---------------------|--------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |                     |                     |                    |                  |                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 109 | Cao Minh Thắng          | 14/12/2001 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | 85,33                                 | 0                         | 85,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Trúng tuyển             |
| 110 | Phan Ngọc Huyền         |            | 24/11/1997 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | 65                                    | 0                         | 65                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 111 | Trần Bá Nam             | 11/4/1997  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 2.5                       | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 112 | Đặng Xuân Thử           | 29/11/1994 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | 80,33                                 | 0                         | 80,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Trúng tuyển             |
| 113 | Trần Khánh Linh         |            | 07/4/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | 62,67                                 | 0                         | 62,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 114 | Phan Hiếu Thiện         | 28/7/1982  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán        |                    |                  |                                                                                   | 70                                    | 0                         | 70                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 115 | Nguyễn Nhật Phi         | 22/12/1992 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học    |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 116 | Diệp Ngọc Tuyền         |            | 16/8/1994  | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn     |                    |                  |                                                                                   | 91,33                                 | 0                         | 91,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Túc     | Trúng tuyển             |
| 117 | Trần Thị Huệ            |            | 13/01/1993 | Cử nhân             | Công nghệ Thông Tin |                    |                  |                                                                                   | 53,33                                 | 0                         | 53,33                    | Chuyên viên về Quản trị công sở        | Chuyên viên               | 01.003     | Trường THCS Tân Túc     | Trúng tuyển             |
| 118 | Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc |            | 17/7/2002  | Cử nhân             | Quản lý nhà nước    |                    |                  |                                                                                   | 25,33                                 | 0                         | 25,33                    | Chuyên viên về Quản trị công sở        | Chuyên viên               | 01.003     | Trường THCS Tân Túc     | Không trúng tuyển       |
| 119 | Hồ Bảo Duy              | 08/12/1992 |            | Cử nhân             | Văn học             |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Nghiệp vụ sư phạm                                               | Vắng                                  | 2,5                       | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 120 | Phạm Văn Kiệt           | 28/9/1991  |            | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn     |                    |                  |                                                                                   | 69,33                                 | 0                         | 69,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Trúng tuyển             |
| 121 | Phạm Minh Khánh         | 15/6/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn     |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 122 | Ngô Thị Hoàng Anh       |            | 21/10/1998 | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn     |                    |                  |                                                                                   | 91,67                                 | 0                         | 91,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Trúng tuyển             |
| 123 | Phạm Thị Lệ Quyền       |            | 21/9/1990  | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh        |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | 95                                    | 0                         | 95                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 124 | Liêu Thị Như Quỳnh    |            | 07/7/1999  | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | 60,67                                 | 0                         | 60,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Không trúng tuyển       |
| 125 | Nguyễn Thị Thu Uyên   |            | 12/02/1997 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 126 | Trần Phan Hương Lan   |            | 29/10/1999 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 127 | Nguyễn Đức Duy        | 10/10/2002 |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                   | 95                                    | 0                         | 95                       | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Trúng tuyển             |
| 128 | Tô Minh Vũ            | 05/4/1995  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 129 | Võ Mạnh Hùng          | 07/9/2001  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                   | 72,33                                 | 0                         | 72,33                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Không trúng tuyển       |
| 130 | Trần Thị Diễm My      |            | 06/8/2002  | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 131 | Trần Thị Thúy Kiều    |            | 03/11/2002 | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Kiên    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 132 | Trần Thị Thanh        |            | 28/03/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 133 | Phan Quốc Đạt         | 08/11/2002 |            | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 134 | Dương Lê Mỹ An        |            | 15/3/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | 71,67                                 | 0                         | 71,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 135 | Trương Thị Thanh Hiền |            | 09/02/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | 65,00                                 | 0                         | 65,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 136 | Hoàng Thị Kim Lý      |            | 19/10/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | 73,33                                 | 0                         | 73,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 137 | Thái Ngọc Bích        |            | 28/5/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | 64,33                                 | 0                         | 64,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 138 | Lê Thị Kim Thoa       |            | 04/11/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                   | 88,33                                 | 0                         | 88,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành                              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|-----------|------------|---------------------|-------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam       | Nữ         |                     |                                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 139 | Trương Thị Quỳnh Anh  |           | 04/10/1991 | Cử nhân             | Vật lý                                    |                    |                  | Chứng chỉ BD GV THCS dạy môn khoa học tự nhiên<br>Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm                                                                     | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 140 | Nguyễn Thị Tâm        |           | 04/10/1998 | Cử nhân - Thạc sĩ   | Sư phạm Vật lý - Lý thuyết và Vật lý toán |                    |                  | Bồi dưỡng GV dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                                            | 84,67                                 | 0                         | 84,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Trúng tuyển             |
| 141 | Nguyễn Thị Thanh Thảo |           | 17/01/1993 | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý                            |                    |                  | Bồi dưỡng GV dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                                            | 76,00                                 | 0                         | 76,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 142 | Đặng Thị Thúy Ngọc    |           | 20/4/1991  | Cử nhân             | Sư phạm vật lý                            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn KHTN                                                                                                        | 80,00                                 | 0                         | 80,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 143 | Nguyễn Thị Hộp        |           | 23/01/1998 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học                           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn KHTN                                                                                                        | 74,00                                 | 0                         | 74,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 144 | Nguyễn Minh Kha       | 29/4/1994 |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh                              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 145 | Lê Thị Ngọc Thảo      |           | 29/7/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng anh                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 85,67                                 | 0                         | 85,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Trúng tuyển             |
| 146 | Nguyễn Quế Hương      |           | 17/11/1998 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng anh                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 86,00                                 | 0                         | 86,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Trúng tuyển             |
| 147 | Nguyễn Thị Thu Uyên   |           | 12/02/1997 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng anh                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 148 | Lê Thị Tuyết Vân      |           | 01/9/1988  | Cử nhân             | Ngữ văn Anh                               |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 57,67                                 | 0                         | 57,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 149 | Đinh Thị Cẩm Tiên     |           | 27/6/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh     | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành      | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|------------------------|------------|------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ         |                     |                   |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 150 | Lê Huỳnh Tín           | 10/7/1997  |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 90,67                                 | 0                         | 90,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Trúng tuyển             |
| 151 | Nguyễn Thị Phương Thoa |            | 02/8/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | 83,33                                 | 0                         | 83,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 152 | Lê Thị Tường Vi        |            | 20/01/1997 | Đại học             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                           | 71,67                                 | 0                         | 71,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 153 | Phan Thị Thái Hà       |            | 25/01/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 154 | Phùng Cẩm Tiên         |            | 25/11/2000 | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 62,00                                 | 0                         | 62,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 155 | Nguyễn Duy Khanh       | 30/11/2000 |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 78,00                                 | 0                         | 78,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 156 | Vũ Xuân Hải            | 07/4/1999  |            | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | 73,67                                 | 0                         | 73,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Tân Nhựt    | Không trúng tuyển       |
| 157 | Lại Thị Ngọc Tú        |            | 17/11/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn   |                    |                  |                                                                                                                                                   | 76,33                                 | 0                         | 76,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài     | Trúng tuyển             |
| 158 | Bùi Thị Kim Huệ        |            | 22/02/2002 | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất |                    |                  |                                                                                                                                                   | 45,00                                 | 0                         | 45,00                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài     | Không trúng tuyển       |
| 159 | Đoàn Thị Hà Giang      |            | 16/10/1999 | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất |                    |                  |                                                                                                                                                   | 56,33                                 | 0                         | 56,33                    | Giáo viên môn Thể dục                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài     | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh     | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                 | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển  |                                |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển  | Kết quả                 |
|-----|------------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------|------------|--------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                                                | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                 | Tên chức danh nghề nghiệp      | Mã số      |                          |                         |
| 160 | Lê Hoàng Tiến          | 01/4/1988  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                   | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài      | Vắng, Không trúng tuyển |
| 161 | Tô Minh Vũ             | 05/4/1995  |            | Cử nhân             | Giáo dục Thể chất         |                    |                  |                                                                                                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Thể dục                   | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Gò Xoài      | Vắng, Không trúng tuyển |
| 162 | Trương Thị Thanh Hiền  |            | 09/02/2002 | Cử nhân             | Khoa học sư phạm tự nhiên |                    |                  |                                                                                                | 65,33                                 | 0                         | 65,33                    | Nhân viên Thiết bị, Thí nghiệm          | Nhân viên Thiết bị, Thí nghiệm | V.07.07.20 | Trường THCS Gò Xoài      | Trúng tuyển             |
| 163 | Trần Thị Thúy Vân      |            | 16/11/1985 | Cử nhân             | Sư phạm Công nghệ         |                    |                  | Cao đẳng Sư phạm Kỹ thuật Công nghiệp                                                          | 75,00                                 | 0                         | 75,00                    | Giáo viên môn Công nghệ (Kỹ thuật Điện) | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Trúng tuyển             |
| 164 | Nguyễn Thị Thảo        |            | 21/9/1987  | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở              | 39,67                                 | 5                         | 44,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                 | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Không trúng tuyển       |
| 165 | Huỳnh Tấn Phước        | 04/12/1979 |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm phương pháp giảng dạy Tiếng Anh dành cho giáo viên trung học cơ sở | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                 | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Vắng, Không trúng tuyển |
| 166 | Trương Văn Kim         | 20/9/1985  |            | Cử nhân             | Toán học                  |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm ngành Toán học                                                     | 70,00                                 | 0                         | 70                       | Giáo viên môn Toán học                  | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Trúng tuyển             |
| 167 | Đồng Văn Phương        | 07/9/1994  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                | 60,33                                 | 0                         | 60,33                    | Giáo viên môn Toán học                  | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Không trúng tuyển       |
| 168 | Nguyễn Thị Thanh Huyền |            | 20/01/2001 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                | 0,00                                  | 0                         | 0                        | Giáo viên môn Toán học                  | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Không trúng tuyển       |
| 169 | Nguyễn Quốc Sinh       | 25/5/1985  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                | 66                                    | 0                         | 66                       | Giáo viên môn Toán học                  | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Không trúng tuyển       |
| 170 | Võ Thị Anh Thư         |            | 18/7/1998  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                | 0                                     | 0                         | 0                        | Giáo viên môn Toán học                  | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Không trúng tuyển       |
| 171 | Nguyễn Văn Thiên       | 02/01/1988 |            | Cử nhân             | Ngữ văn                   |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm ngành Ngữ văn                                                      | 51,33                                 | 0                         | 51,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Trúng tuyển             |
| 172 | Nguyễn Phạm Thanh Mai  |            | 03/5/2000  | Cử nhân             | Giáo dục chính trị        |                    |                  |                                                                                                | 82,33                                 | 0                         | 82,33                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân         | Giáo viên THCS hạng III        | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành                 | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                           | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển  | Kết quả                 |
|-----|----------------------|-----------|------------|---------------------|------------------------------|--------------------|------------------|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|--------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam       | Nữ         |                     |                              |                    |                  |                                                                          | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                          |                         |
| 173 | Lưu Thị Minh Tuyền   |           | 06/8/2000  | Cử nhân             | Giáo dục chính trị           |                    |                  |                                                                          | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Vắng, Không trúng tuyển |
| 174 | Nguyễn Thị Thiên Kim |           | 27/7/2000  | Cử nhân             | Giáo dục chính trị           |                    |                  |                                                                          | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Phạm Văn Hai | Vắng, Không trúng tuyển |
| 175 | Nguyễn Phúc Anh      | 01/8/1990 |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý               |                    |                  | Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng công tác Đoàn, Hội, Đội          | 46,67                                 | 0                         | 46,67                    | Giáo viên phụ trách công tác Đội       | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Đồng Đen     | Không trúng tuyển       |
| 176 | Nguyễn Ngọc Nhiều    |           | 01/8/1989  | Cử nhân             | Lịch sử Tư tưởng Hồ Chí Minh |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện                                 | 75,33                                 | 0                         | 75,33                    | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | Trường THCS Đồng Đen     | Trúng tuyển             |
| 177 | Trần Thị Kim Linh    |           | 30/3/1997  | Cao đẳng            | Kế toán                      |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện                                 | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | Trường THCS Đồng Đen     | Vắng, Không trúng tuyển |
| 178 | Nguyễn Thị Thanh Vi  |           | 16/01/1985 | Trung cấp           | Kế toán                      |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo ngành Thư viện                                         | 50,00                                 | 0                         | 50,00                    | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | Trường THCS Đồng Đen     | Không trúng tuyển       |
| 179 | Lê Ngọc Hiệp         |           | 07/01/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Âm nhạc              |                    |                  |                                                                          | 85,00                                 | 0                         | 85,00                    | Giáo viên môn Âm nhạc                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Trúng tuyển             |
| 180 | Phạm Văn Kiệt        | 28/9/1991 |            | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ Văn              |                    |                  |                                                                          | 81,00                                 | 0                         | 81,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Trúng tuyển             |
| 181 | Cao Thị Quế          |           | 06/8/1978  | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ Văn              |                    |                  |                                                                          | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 182 | Huỳnh Thị Thùy Trang |           | 14/01/1984 | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ Văn              |                    |                  |                                                                          | 85,67                                 | 0                         | 85,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Trúng tuyển             |
| 183 | Lại Thị Thu          |           | 03/02/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ Văn              |                    |                  |                                                                          | 58,00                                 | 0                         | 58,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Không trúng tuyển       |
| 184 | Hoàng Thị Vân        |           | 12/3/1993  | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn              |                    |                  |                                                                          | 73,00                                 | 0                         | 73,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Không trúng tuyển       |
| 185 | Lê Thị Thủy          |           | 14/02/1987 | Cử nhân             | Ngữ văn                      |                    |                  | Chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm (Lý luận dạy học và Giáo dục)                | 81,33                                 | 0                         | 81,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Trúng tuyển             |
| 186 | Nguyễn Thị Bích Trâm |           | 19/8/1993  | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn              |                    |                  |                                                                          | 76,00                                 | 0                         | 76,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Không trúng tuyển       |
| 187 | Lê Thị Thanh         |           | 05/9/1982  | Cử nhân             | Ngữ văn                      |                    |                  | Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy | 58,00                                 | 0                         | 58,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A   | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                           | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|----------------------|------------|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |                        |                                                                        |                    |                  |                                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 188 | Nguyễn Thị Hồng Lan  |            | 16/4/1975  | Cử nhân                | Ngữ Văn                                                                |                    |                  | Cao đẳng Sư phạm Văn                                                    | 67,67                                 | 0                         | 67,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 189 | Nguyễn Bá Hùng       | 04/9/1999  |            | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | 49,00                                 | 0                         | 49,00                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 190 | Phùng Thị Ngọc Ánh   |            | 12/8/2002  | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 191 | Trần Thị Diệu Thúy   |            | 16/12/1993 | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | 67,67                                 | 0                         | 67,67                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 192 | Nguyễn Thị Thu Uyên  |            | 03/10/1997 | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | 73,33                                 | 0                         | 73,33                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 193 | Nguyễn Thị Ánh Trúc  |            | 02/6/1986  | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 194 | Nguyễn Thị Mỹ Duyên  |            | 20/02/1998 | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | 92,67                                 | 0                         | 92,67                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 195 | Nguyễn Thị Tường Vy  |            | 13/4/2001  | Cử nhân                | Giáo dục chính trị                                                     |                    |                  |                                                                         | 46,33                                 | 0                         | 46,33                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 196 | Nguyễn Văn Thanh Sơn | 11/9/2002  |            | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                              |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 197 | Trần Tấn Phát        | 14/3/1997  |            | Cử nhân                | Sư phạm Hóa học                                                        |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 88,00                                 | 0                         | 88,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 198 | Trần Thị Thanh       |            | 28/3/2002  | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                              |                    |                  |                                                                         | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 199 | Châu Quốc Duyên      | 22/01/1975 |            | - Đại học<br>- Thạc sĩ | - Hóa học (Đại học sư phạm Huế);<br>- Hóa học chuyên ngành Hóa hữu cơ. |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                              | Điểm                                     |                              |                             | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-------------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                                                             | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1)<br>(1) | Điểm ưu tiên (nếu có)<br>(2) | Tổng cộng điểm<br>(1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 200 | Dương Ngọc Tú Quyên     |            | 07/9/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | 65,00                                    | 5                            | 70,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 201 | Hoàng Thị Kim Lý        |            | 19/10/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | 62,00                                    | 0                            | 62,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 202 | Nguyễn Thế Phụng        | 01/01/1995 |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                                     | 80,00                                    | 0                            | 80,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 203 | Trịnh Đình Văn          | 25/4/1996  |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                                     | 84,33                                    | 0                            | 84,33                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 204 | Nguyễn Tú Quyên         |            | 27/10/2002 | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | Vắng                                     | 5.0                          | Vắng                        | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 205 | Nguyễn Thủy Nguyệt Châu |            | 23/10/1978 | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                                     | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 206 | Vũ Khánh Linh           |            | 23/8/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 207 | Nguyễn Hoàng Thắng      | 17/7/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 208 | Phan Thị Kiều Diễm      |            | 01/3/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                             | 95,00                                    | 0                            | 95,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 209 | Trương Thị Quỳnh Anh    |            | 04/10/1991 | Cử nhân             | Vật lý                    |                    |                  | - Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên;<br>- Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm | 81,00                                    | 0                            | 81,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 210 | Đặng Thị Thúy Ngọc      |            | 20/4/1991  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                                     | 75,00                                    | 0                            | 75,00                       | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn        | Chuyên ngành                                                                             | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                                             | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-------------------------|------------|------------|----------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |                            |                                                                                          |                    |                  |                                                                                                                                                                            | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 211 | Nguyễn Thị Ngọc Nhân    |            | 11/7/1991  | - Đại học<br><br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Vật lý;<br>- Khoa học Giáo dục (Lí luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý). |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                                                    | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 212 | Nguyễn Cao Thiên Trường | 12/3/2002  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 71,67                                 | 0                         | 71,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 213 | Nguyễn Lê Mai Quỳnh     |            | 24/11/2002 | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 80,00                                 | 0                         | 80,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 214 | Nguyễn Bảo Hân          |            | 26/5/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 71,67                                 | 0                         | 71,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 215 | Trương Kế An            | 02/01/1993 |            | Cử nhân                    | Vật lý học                                                                               |                    |                  | - Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Khoa học tự nhiên cấp Trung học cơ sở;<br>- Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn khoa học tự nhiên. | 66,67                                 | 0                         | 66,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 216 | Nguyễn Chí Bảo          | 09/8/2002  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 76,33                                 | 0                         | 76,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 217 | Lê Thị Kim Thoa         |            | 04/11/2002 | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 83,67                                 | 0                         | 83,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 218 | Nguyễn Nhật Hào         | 19/7/2002  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 78,00                                 | 0                         | 78,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 219 | Lại Thị Kim Thoa        |            | 10/3/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                                                                                                            | 90,00                                 | 0                         | 90,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 220 | Nguyễn Thị Tâm          |            | 04/10/1998 | - Cử nhân<br><br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Vật lý;<br>- Vật lý lý thuyết và vật lý toán.                                  |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                                                    | 86,33                                 | 0                         | 86,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 221 | Nguyễn Thị Thanh Thảo   |            | 17/01/1993 | Cử nhân                    | Sư phạm Vật lý                                                                           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                                                                                                    | 75,00                                 | 0                         | 75,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                          | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|-----------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|-------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam       | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                         | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 222 | Âu Thị Phương Thảo    |           | 17/5/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                         | 46,33                                 | 0                         | 46,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 223 | Lê Thị Diệu An        |           | 10/01/1994 | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                 | 79,33                                 | 0                         | 79,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 224 | Nguyễn Thị Hà Thanh   |           | 09/4/1983  | Đại học             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 66,67                                 | 0                         | 66,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 225 | Nguyễn Thị Sen        |           | 08/3/2000  | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 54,00                                 | 0                         | 54,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 226 | Lã Nguyệt Thảo Vy     |           | 28/8/2000  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 67,00                                 | 0                         | 67,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 227 | Âu Lê Thiên Thanh     |           | 11/01/1990 | Cử nhân             | Sư Phạm Sinh học          |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 228 | Nguyễn Thị Thanh Thùy |           | 29/9/1991  | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 229 | Nguyễn Thị Thùy Trang |           | 04/8/1998  | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                 | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 230 | Trần Thị Diệu Linh    |           | 22/4/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 89,33                                 | 0                         | 89,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 231 | Đỗ Thị Thảo           |           | 20/02/1998 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh  | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                                             | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển  |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|---------------------|------------|------------|------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                     | Nam        | Nữ         |                        |                                                                                          |                    |                  |                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                 | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 232 | Nguyễn Hùng Minh    | 05/02/1983 |            | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Vật lý;<br>- Vật lý kỹ thuật.                                                  |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên           | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 233 | Nguyễn Thị Bảo Trâm |            | 18/10/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                   | 67,67                                 | 0                         | 67,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 234 | Nguyễn Thị Thu Lại  |            | 12/6/1993  | Cử nhân                | Sư phạm Hoá Học                                                                          |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên           | 63,67                                 | 0                         | 63,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 235 | Lê Thủy Mỹ Duyên    |            | 11/9/2002  | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                   | 85,33                                 | 0                         | 85,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 236 | Đặng Trần Bảo Thắng | 29/11/2002 |            | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                                |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 237 | Nguyễn Thị Hà       |            | 07/10/1992 | Cử nhân                | Sư phạm Lịch sử                                                                          |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lí           | 88,00                                 | 0                         | 88,00                    | Giáo viên môn Lịch sử và Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 238 | Mai Thị Thủy Tiên   |            | 14/4/2002  | Cử nhân                | Sư phạm Lịch sử và Địa lý                                                                |                    |                  |                                                                                   | 46,33                                 | 0                         | 46,33                    | Giáo viên môn Lịch sử và Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 239 | Lê Thị Bảo Quyên    |            | 27/3/1994  | Cử nhân                | Sư phạm Địa lý                                                                           |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Lịch sử và Địa lý           | 83,00                                 | 0                         | 83,00                    | Giáo viên môn Lịch sử và Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 240 | Nguyễn Viết Hiệu    | 07/5/1981  |            | Cử nhân                | Sư phạm Kỹ thuật                                                                         |                    |                  |                                                                                   | 61,00                                 | 0                         | 61,00                    | Giáo viên môn Công nghệ (Kỹ thuật Điện) | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 241 | Phạm Thị Lạc Hà     |            | 06/01/1981 | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Ngữ văn Anh;<br>- Khoa học Giáo dục (Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh). |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                    | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                     |                              |                             | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|--------------------|------------|------------|------------------------|-----------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                    | Nam        | Nữ         |                        |                                                                 |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1)<br>(1) | Điểm ưu tiên (nếu có)<br>(2) | Tổng cộng điểm<br>(1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 242 | Đặng Đức Tuệ       | 04/10/1984 |            | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Ngữ văn Anh<br>- Lý luận và phương pháp dạy học môn Tiếng Anh |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 50,67                                    | 0                            | 50,67                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 243 | Phan Thị Bích Ngọc |            | 05/8/1995  | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                                    |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 51,33                                    | 0                            | 51,33                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 244 | Huỳnh Đăng Khoa    | 20/3/1997  |            | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                                    |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 61,67                                    | 0                            | 61,67                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 245 | Lê Nguyễn Tường Vy |            | 21/9/2000  | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                                    |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm dành cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                            | 90,67                                    | 0                            | 90,67                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 246 | Phạm Thị Thúy An   |            | 18/11/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 247 | Nguyễn Hoàng Giáp  | 22/12/2001 |            | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | 63,00                                    | 0                            | 63,00                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 248 | Trần Đức Thọ       | 31/01/2001 |            | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | 84,33                                    | 0                            | 84,33                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 249 | Đào Thị Chung      |            | 10/10/1991 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | 68,33                                    | 0                            | 68,33                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 250 | Lê Thị Hoàng Yến   |            | 11/12/1989 | Cử nhân sư phạm        | Sư phạm Tiếng Anh                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | 88,33                                    | 0                            | 88,33                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                 | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|--------------------|------------|------------|------------------------|----------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                    | Nam        | Nữ         |                        |                                              |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 251 | Lữ Thị Phương      |            | 04/7/1981  | Cử nhân                | Anh văn                                      |                    |                  | Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy                                                                          | 59,67                                 | 0                         | 59,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 252 | Võ Châu Quỳnh Anh  |            | 21/4/1999  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 253 | Nguyễn Quỳnh Trang |            | 19/10/2000 | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                 |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 77,33                                 | 0                         | 77,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 254 | Lê Thị Thu Uyên    |            | 01/4/2001  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | 48,33                                 | 0                         | 48,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 255 | Trần Thanh Linh    | 28/9/1987  |            | Cử nhân                | Anh văn                                      |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Nghiệp vụ sư phạm                                                                                                               | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 256 | Mai Thị Trà My     |            | 07/10/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | 59,67                                 | 0                         | 59,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 257 | Nguyễn Quế Hương   |            | 17/11/1998 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | 56,33                                 | 0                         | 56,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 258 | Nguyễn Thị Mỹ Linh |            | 01/9/1997  | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | 43,00                                 | 0                         | 43,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 259 | Phạm Thu Hồng      |            | 22/10/1985 | Cử nhân                | Sư phạm Tiếng Anh                            |                    |                  |                                                                                                                                                   | 60,33                                 | 0                         | 60,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 260 | Lê Thị Tường Vi    |            | 20/01/1997 | Đại học                | Ngôn ngữ Anh                                 |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 261 | Lý Nhật Hoàng      | 24/11/1994 |            | Cử nhân                | Ngôn ngữ Anh                                 |                    |                  | Cao đẳng Sư phạm Tiếng Anh                                                                                                                        | 92,00                                 | 0                         | 92,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 262 | Châu Bách Nhã      |            | 08/10/1990 | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Tiếng Anh;<br>- Ngành Ngôn ngữ Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành      | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|------------|------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |                     |                   |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 263 | Tôn Nữ Như Mỹ         |            | 01/4/1989  | Cử nhân             | Ngữ văn Anh       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 264 | Nguyễn Khánh Tường    | 21/4/1990  |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | 61,00                                 | 0                         | 61,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 265 | Nguyễn Thị Hà Anh     |            | 21/5/1994  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | 72,67                                 | 0                         | 72,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 266 | Trần Ái Linh          |            | 27/01/2001 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 267 | Nguyễn Phạm Quỳnh Hoa |            | 10/01/2000 | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 268 | Trần Nguyễn Thanh Tú  | 29/8/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                                                                                   | 68,33                                 | 0                         | 68,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 269 | Phan Tấn Dũng         | 16/10/2002 |            | Cử nhân             | Sư phạm Tin học   |                    |                  |                                                                                                                                                   | 57,67                                 | 0                         | 57,67                    | Giáo viên môn Tin học                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 270 | Trần Thị Hồng My      |            | 16/4/1996  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 80,00                                 | 0                         | 80,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 271 | Nguyễn Thị Ngọc Hân   |            | 15/8/1996  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 81,67                                 | 0                         | 81,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 272 | Nguyễn Thị Minh Châu  |            | 23/3/2002  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 67,67                                 | 0                         | 67,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 273 | Hồ Thị Thục Uyên      |            | 15/7/1994  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 71,00                                 | 0                         | 71,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 274 | Đoàn Đức Nguyên       | 19/11/1995 |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 79,67                                 | 0                         | 79,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 275 | Tô Thị Ngọc Bích      |            | 27/3/1997  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                                                                                   | 75,67                                 | 0                         | 75,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                         | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|----------------------|------------|------------|------------------------|----------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |                        |                                                                      |                    |                  |                | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 276 | Huỳnh Thành Đạt      | 18/5/2001  |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 72,00                                 | 0                         | 72,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 277 | Dương Thanh Sang     | 01/01/1987 |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán                                                         |                    |                  |                | 78,00                                 | 0                         | 78,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 278 | Ngô Thị Cẩm Tú       |            | 04/01/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 279 | Nguyễn Thị Hồng Điệp |            | 14/3/1989  | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Toán học;<br>- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán. |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 280 | Nguyễn Thị Bảo My    |            | 14/10/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 281 | Nguyễn Trung Việt    | 23/3/1996  |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 282 | Đồng Văn Phương      | 07/9/1994  |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 81,33                                 | 0                         | 81,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 283 | Phạm Thị Mỹ Hạnh     |            | 20/8/1982  | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 61,33                                 | 0                         | 61,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 284 | Nguyễn Thành Trung   | 25/9/2002  |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 57,00                                 | 0                         | 57,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 285 | Nguyễn Thị Trâm      |            | 17/12/1996 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 86,00                                 | 0                         | 86,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 286 | Phạm Thị Kiên        |            | 25/12/1992 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 51,67                                 | 0                         | 51,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 287 | Đặng Văn Lành        | 01/01/1985 |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán                                                         |                    |                  |                | 80,00                                 | 0                         | 80,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 288 | Trần Thị Xuân        |            | 06/02/1988 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 71,00                                 | 0                         | 71,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 289 | Ngô Thị Tuyết        |            | 11/02/1990 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 65,67                                 | 0                         | 65,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 290 | Nguyễn Tuấn Anh      | 15/10/1985 |            | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                     |                    |                  |                | 68,00                                 | 0                         | 68,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh   | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành      | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|----------------------|------------|------------|---------------------|-------------------|--------------------|------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                      | Nam        | Nữ         |                     |                   |                    |                  |                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 291 | Nguyễn Hữu Diệu      | 05/6/1995  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                   | 52,67                                 | 0                         | 52,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 292 | Phạm Thị Loan        |            | 11/7/1989  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 293 | Vũ Thị Kim Xuân      |            | 10/11/1992 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học  |                    |                  |                                                                                   | 82,33                                 | 0                         | 82,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Trúng tuyển             |
| 294 | Nguyễn Phúc Anh      | 01/8/1990  |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý    |                    |                  | Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng công tác Đoàn, Hội, Đội                   | 38,33                                 | 0                         | 38,33                    | Giáo viên phụ trách công tác Đội       | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc A  | Không trúng tuyển       |
| 295 | Lê Nguyễn Tường Vy   |            | 21/9/2000  | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | 86,33                                 | 0                         | 86,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 296 | Đào Thị Chung        |            | 10/10/1991 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                   | 76,33                                 | 0                         | 76,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 297 | Ngô Quốc Bình        | 01/10/1978 |            | Cử nhân             | Anh Văn           |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Nghiệp vụ sư phạm                                               | 41,67                                 | 0                         | 41,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 298 | Nguyễn Nhật My       |            | 16/5/2000  | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                   | 83,67                                 | 0                         | 83,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 299 | Nguyễn Quế Hương     |            | 17/11/1998 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 300 | Lê Thị Tường Vi      |            | 20/01/1997 | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 301 | Tôn Nữ Như Mây       |            | 01/4/1989  | Cử nhân             | Ngữ văn Anh       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | 80,00                                 | 0                         | 80,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 302 | Tô Thị Thanh Vân     |            | 30/11/1981 | Cử nhân             | Ngữ văn Anh       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở | 75,67                                 | 0                         | 75,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 303 | Đặng Ngọc Thanh Đông | 22/6/1999  |            | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh |                    |                  |                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |



| Stt | Họ và tên thí sinh     | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn        | Chuyên ngành                                                            | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển  |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|------------------------|------------|------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|-----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ         |                            |                                                                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                 | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 304 | Đặng Đức Tuệ           | 04/10/1984 |            | - Cử nhân<br><br>- Thạc sĩ | - Ngữ văn Anh;<br><br>- Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 83,33                                 | 0                         | 83,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 305 | Nguyễn Hồng Sơn        | 23/11/1983 |            | Cử nhân                    | Tiếng Anh Sư phạm                                                       |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 306 | Phan Thành Phúc        | 28/5/1999  |            | Cử nhân                    | Giáo dục Chính trị                                                      |                    |                  |                                                                                                                                                   | 89,67                                 | 0                         | 89,67                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 307 | Nguyễn Thị Thu Uyên    |            | 03/10/1997 | Cử nhân                    | Giáo dục Chính trị                                                      |                    |                  |                                                                                                                                                   | 66,33                                 | 0                         | 66,33                    | Giáo viên môn Giáo dục công dân         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 308 | Đoàn Thị Thu Trang     |            | 01/11/1991 | Cử nhân                    | Sư phạm Văn - Giáo dục công dân                                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 89,67                                 | 0                         | 89,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 309 | Trần Thị Phúc Minh     |            | 26/3/1984  | Cử nhân                    | Ngôn ngữ học                                                            |                    |                  | Chứng chỉ Lý luận dạy học và giáo dục phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy                                                                          | 74,00                                 | 0                         | 74,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Không trúng tuyển       |
| 310 | Nguyễn Thị Bích Trâm   |            | 19/8/1993  | Cử nhân                    | Sư phạm Ngữ văn                                                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 79,67                                 | 0                         | 79,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 311 | Lý Thị Minh Anh        |            | 16/4/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Ngữ văn                                                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 92,67                                 | 5                         | 97,67                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 312 | Nguyễn Viết Hiếu       | 07/5/1981  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Kỹ thuật                                                        |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Công nghệ (Kỹ thuật Điện) | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 313 | Nguyễn Lê Trường Giang | 25/10/2002 |            | Cử nhân                    | Sư phạm Lịch sử và Địa lý                                               |                    |                  |                                                                                                                                                   | 78,67                                 | 0                         | 78,67                    | Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý          | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Trúng tuyển             |
| 314 | Nguyễn Thị Trường An   |            | 19/01/1997 | Cử nhân                    | Sư phạm Địa lý                                                          |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Lịch sử và Địa lý                                                                                      | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý          | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Vĩnh Lộc B  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 315 | Phạm Văn Kiệt          | 28/9/1991  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Ngữ văn                                                         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 65,33                                 | 0                         | 65,33                    | Giáo viên môn Ngữ văn                   | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành       | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                  | Điểm                                     |                              |                             | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|-----------------------|------------|------------|---------------------|--------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------|------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ         |                     |                    |                    |                  |                                                                                 | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1)<br>(1) | Điểm ưu tiên (nếu có)<br>(2) | Tổng cộng điểm<br>(1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 316 | Lê Như Thái           | 15/7/1984  |            | Đại học             | Ngữ văn            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Ngữ văn cấp Trung học cơ sở | 75,67                                    | 0                            | 75,67                       | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Trúng tuyển             |
| 317 | Lê Thị Thanh          |            | 05/9/1982  | Đại học             | Ngữ văn            |                    |                  | Chứng chỉ Lý luận dạy học và Giáo dục phục vụ cho việc lên lớp giảng dạy        | 61,33                                    | 0                            | 61,33                       | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Không trúng tuyển       |
| 318 | Nguyễn Thị Ánh Tuyết  |            | 24/11/1994 | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh  |                    |                  |                                                                                 | 71,00                                    | 0                            | 71,00                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Trúng tuyển             |
| 319 | Ngô Quốc Bình         | 01/10/1978 |            | Cử nhân             | Anh văn            |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Nghiệp vụ sư phạm                                             | 42,33                                    | 0                            | 42,33                       | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Không trúng tuyển       |
| 320 | Nguyễn Phúc Anh       | 01/8/1990  |            | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý     |                    |                  | Bồi dưỡng kiến thức, nghiệp vụ, kỹ năng công tác Đoàn, Hội, Đội                 | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên phụ trách công tác Đội       | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Vắng, Không trúng tuyển |
| 321 | Nguyễn Thị Ánh Trúc   |            | 02/6/1986  | Cử nhân             | Giáo dục Chính trị |                    |                  | Bằng tốt nghiệp Chương trình đào tạo chức danh Tổng phụ trách Đội               | 46,67                                    | 0                            | 46,67                       | Giáo viên phụ trách công tác Đội       | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Võ Văn Vân  | Không trúng tuyển       |
| 322 | Hồ Bảo Duy            | 08/12/1992 |            | Cử nhân             | Văn học            |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Nghiệp vụ sư phạm                                             | Vắng                                     | 2.5                          | Vắng                        | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 323 | Nguyễn Thị Huyền Trân |            | 28/12/1992 | Cử nhân             | Ngữ văn            |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm Lý luận dạy học và Giáo dục                         | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 324 | Nguyễn Hoàng Phúc     | 28/7/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | 51,00                                    | 0                            | 51,00                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 325 | Phạm Hoàng Yến        |            | 26/3/1994  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | 91,00                                    | 0                            | 91,00                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Trúng tuyển             |
| 326 | Võ Thị Mỹ Duyên       |            | 02/01/1996 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | 50,67                                    | 0                            | 50,67                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 327 | Phạm Thị Vân Anh      |            | 03/11/1991 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | Vắng                                     | 0                            | Vắng                        | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 328 | Son Đức Thịnh         | 10/4/2002  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | Vắng                                     | 5                            | Vắng                        | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 329 | Nguyễn Thị Kim Cúc    |            | 12/11/1978 | Cử nhân             | Sư phạm Toán học   |                    |                  |                                                                                 | 71,33                                    | 0                            | 71,33                       | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh     | Ngày sinh  |           | Trình độ chuyên môn    | Chuyên ngành                                                                    | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                 |
|-----|------------------------|------------|-----------|------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|----------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|-------------------------|
|     |                        | Nam        | Nữ        |                        |                                                                                 |                    |                  |                | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                         |
| 330 | Phạm Đức Thắng         | 02/12/1996 |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 331 | Trần Huy Hoàng         | 24/3/2001  |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 332 | Đỗ Hoàng Thùy Trang    |            | 04/3/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | 70,00                                 | 0                         | 70,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 333 | Phan Văn Tân           | 29/3/1987  |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán                                                                    |                    |                  |                | 50,67                                 | 0                         | 50,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 334 | Hồ Thị Ngọc Mai        |            | 10/5/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 335 | Nguyễn Thị Ánh Hồng    |            | 19/8/1982 | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Toán - Tin học;<br>- Ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 336 | Nguyễn Xuân Tính       | 07/12/1979 |           | - Cử nhân<br>- Thạc sĩ | - Toán;<br>- Giáo dục học (Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán)          |                    |                  |                | 75,67                                 | 0                         | 75,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 337 | Dương Thanh Sang       | 01/01/1987 |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán                                                                    |                    |                  |                | 55,00                                 | 0                         | 55,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 338 | Trần Phước Lộc         | 29/11/2001 |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | 92,00                                 | 0                         | 92,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Trúng tuyển             |
| 339 | Nguyễn Thị Kiều Thương |            | 02/6/2001 | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 340 | Nguyễn Nhật Phi        | 22/12/1992 |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng, Không trúng tuyển |
| 341 | Trà Văn Tâm            | 06/10/1988 |           | Cử nhân                | Sư phạm Toán học                                                                |                    |                  |                | 51,33                                 | 0                         | 51,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không trúng tuyển       |
| 342 | Hồng Kiều My           |            | 06/3/2002 | Cử nhân                | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                       |                    |                  |                | 83,33                                 | 0                         | 83,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Trúng tuyển             |



| Stt | Họ và tên thí sinh      | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn        | Chuyên ngành                                                                         | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                       | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển | Kết quả                    |
|-----|-------------------------|------------|------------|----------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-------------------------|----------------------------|
|     |                         | Nam        | Nữ         |                            |                                                                                      |                    |                  |                                                                                                      | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                         |                            |
| 343 | Đoàn Thị Yến Linh       |            | 21/02/1995 | - Cử nhân<br><br>- Thạc sĩ | - Sư phạm Vật lý;<br>- Khoa học Giáo dục (Lý luận và phương pháp dạy học môn Vật Lý) |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                              | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng,<br>Không trúng tuyển |
| 344 | Phạm Hoàng Ánh Tuyết    |            | 06/9/1993  | Cử nhân                    | Sư phạm Hóa học                                                                      |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên dạy môn Khoa học tự nhiên                                              | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng,<br>Không trúng tuyển |
| 345 | Lê Thị Mỹ Thanh         |            | 06/10/1991 | Cử nhân                    | Vật lý                                                                               |                    |                  | - Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm ngành Vật lý;<br>- Bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Khoa học tự nhiên. | 61,67                                 | 0                         | 61,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |
| 346 | Nguyễn Lê Phương Thủy   |            | 16/4/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Khoa học tự nhiên                                                            |                    |                  |                                                                                                      | 60,00                                 | 0                         | 60,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |
| 347 | Trần Yến Nhi            |            | 19/7/2001  | Cử nhân                    | Sư phạm Vật lý                                                                       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                              | 74,33                                 | 0                         | 74,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |
| 348 | Hà Văn Đăng             | 26/4/1998  |            | Cử nhân                    | Sư phạm Vật Lý                                                                       |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên                              | 73,00                                 | 5                         | 78,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |
| 349 | Võ Huỳnh Thoại Minh     |            | 04/01/1997 | Cử nhân                    | Sư phạm Tiếng Anh                                                                    |                    |                  |                                                                                                      | 89,67                                 | 0                         | 89,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Trúng tuyển                |
| 350 | Nguyễn Quốc Anh         | 09/12/2002 |            | Cử nhân                    | Sư phạm Tiếng Anh                                                                    |                    |                  |                                                                                                      | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng,<br>Không trúng tuyển |
| 351 | Nguyễn Phạm Phương Thảo |            | 08/7/2002  | Cử nhân                    | Sư phạm Tiếng Anh                                                                    |                    |                  |                                                                                                      | 81,67                                 | 0                         | 81,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |
| 352 | Trần Thị Nguyệt Thanh   |            | 31/7/1994  | Cử nhân                    | Sư phạm Tiếng Anh                                                                    |                    |                  |                                                                                                      | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Vắng,<br>Không trúng tuyển |
| 353 | Lâm Thanh Ngọc          |            | 09/3/1994  | Cử nhân                    | Sư phạm Tiếng Anh                                                                    |                    |                  |                                                                                                      | 44,00                                 | 0                         | 44,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn   | Không<br>trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh  | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn     | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển     | Kết quả                 |
|-----|---------------------|------------|------------|-------------------------|---------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------------|-------------------------|
|     |                     | Nam        | Nữ         |                         |                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                             |                         |
| 354 | Nguyễn Duy Khanh    | 30/11/2000 |            | Cử nhân                 | Ngôn Ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn       | Vắng, Không trúng tuyển |
| 355 | Nguyễn Lê Thùy Tiên |            | 06/01/2001 | Cử nhân                 | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 72,00                                 | 0                         | 72,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn       | Không trúng tuyển       |
| 356 | Huỳnh Thị Mỹ Trinh  |            | 20/4/2000  | Cử nhân                 | Sư phạm Địa lý            |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng giáo viên THCS dạy môn Lịch sử và Địa lý                                                                                      | 90,67                                 | 0                         | 90,67                    | Giáo viên môn Lịch sử - Địa lý         | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Trung Sơn       | Trúng tuyển             |
| 357 | Lại Thanh Thanh Hoa |            | 28/02/1991 | Trung cấp chuyên nghiệp | Y sĩ đa khoa              |                    |                  | Chứng chỉ đào tạo Văn thư - Lưu trữ                                                                                                               | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Nhân viên Văn thư                      | Văn thư viên trung cấp    | 02.008     | Trường THCS Trung Sơn       | Vắng, Không trúng tuyển |
| 358 | Hoàng Thị Lệ Thu    |            | 05/9/1996  | Cử nhân                 | Luật                      |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ Văn thư - Lưu trữ                                                                                                             | 91,33                                 | 0                         | 91,33                    | Nhân viên Văn thư                      | Văn thư viên trung cấp    | 02.008     | Trường THCS Trung Sơn       | Trúng tuyển             |
| 359 | Nguyễn Minh Phái    | 26/7/1987  |            | Cử nhân                 | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 60,00                                 | 2,5                       | 62,50                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Không trúng tuyển       |
| 360 | Phan Văn Tân        | 29/3/1987  |            | Cử nhân                 | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 65,33                                 | 0                         | 65,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Không trúng tuyển       |
| 361 | Phạm Thị Vân Anh    |            | 03/11/1991 | Cử nhân                 | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 80,33                                 | 0                         | 80,33                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Trúng tuyển             |
| 362 | Trần Anh Thuận      | 28/8/1997  |            | Cử nhân                 | Toán học                  |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Toán cấp Trung học cơ sở                                                                      | 54,00                                 | 0                         | 54,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Không trúng tuyển       |
| 363 | Lê Trần Gia Linh    |            | 25/01/2002 | Cử nhân                 | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Vắng, Không trúng tuyển |
| 364 | Thái Ngọc Bích      |            | 28/5/2002  | Cử nhân                 | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | 80,33                                 | 0                         | 80,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh  | Ngày sinh  |            | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                                                                    | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển     | Kết quả                 |
|-----|---------------------|------------|------------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------------|-------------------------|
|     |                     | Nam        | Nữ         |                     |                           |                    |                  |                                                                                                                                                   | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                             |                         |
| 365 | Lê Nguyễn Ngọc Hân  |            | 04/7/2001  | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | 82,67                                 | 0                         | 82,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Nguyễn Văn Linh | Trúng tuyển             |
| 366 | Nguyễn Văn Thiên    | 02/01/1988 |            | Cử nhân             | Ngữ văn                   |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ sư phạm                                                                                                                       | 43,00                                 | 0                         | 43,00                    | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 367 | Nguyễn Diệu Phương  |            | 29/10/1995 | Cử nhân             | Sư phạm Ngữ văn           |                    |                  |                                                                                                                                                   | Vắng                                  | 0                         | Vắng                     | Giáo viên môn Ngữ văn                  | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Vắng, Không trúng tuyển |
| 368 | Nguyễn Quốc Sinh    | 25/5/1985  |            | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 74,67                                 | 0                         | 74,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 369 | Trương Thị Loan     |            | 05/8/1996  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 79,67                                 | 0                         | 79,67                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 370 | Tô Thị Ngọc Bích    |            | 27/3/1997  | Cử nhân             | Sư phạm Toán học          |                    |                  |                                                                                                                                                   | 87,00                                 | 0                         | 87,00                    | Giáo viên môn Toán học                 | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Trúng tuyển             |
| 371 | Đoàn Thanh Tâm      | 22/8/1995  |            | Cử nhân             | Sư phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 62,33                                 | 0                         | 62,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 372 | Lê Thị Tường Vi     |            | 20/01/1997 | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | 77,67                                 | 0                         | 77,67                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Trúng tuyển             |
| 373 | Nguyễn Phương Quang | 17/4/1995  |            | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng Nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên Tiếng Anh cấp Trung học cơ sở                                                                 | 76,00                                 | 0                         | 76,00                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 374 | Bùi Lê Minh Tú      |            | 06/01/1997 | Cử nhân             | Ngôn ngữ Anh              |                    |                  | Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiếng Anh trung học cơ sở | 88,33                                 | 0                         | 88,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Trúng tuyển             |
| 375 | Nguyễn Quê Hương    |            | 17/11/1998 | Cử nhân             | Sư Phạm Tiếng Anh         |                    |                  |                                                                                                                                                   | 77,33                                 | 0                         | 77,33                    | Giáo viên môn Tiếng Anh                | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |
| 376 | Phan Quốc Đạt       | 08/11/2002 |            | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                                                                   | 43,00                                 | 0                         | 43,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân    | Không trúng tuyển       |



| Stt | Họ và tên thí sinh    | Ngày sinh  |           | Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành              | Trình độ ngoại ngữ | Trình độ Tin học | Chứng chỉ khác                                                                                     | Điểm                                  |                           |                          | Chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển |                           |            | Đơn vị đăng ký dự tuyển  | Kết quả           |
|-----|-----------------------|------------|-----------|---------------------|---------------------------|--------------------|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------|--------------------------|----------------------------------------|---------------------------|------------|--------------------------|-------------------|
|     |                       | Nam        | Nữ        |                     |                           |                    |                  |                                                                                                    | Điểm kiểm tra, sát hạch (hệ số 1) (1) | Điểm ưu tiên (nếu có) (2) | Tổng cộng điểm (1) + (2) | Vị trí đăng ký dự tuyển                | Tên chức danh nghề nghiệp | Mã số      |                          |                   |
| 377 | Trần Tiến Đạt         | 14/01/2002 |           | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                    | 65,33                                 | 0                         | 65,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Không trúng tuyển |
| 378 | Nguyễn Trường Duy     | 18/7/2002  |           | Cử nhân             | Sư phạm Khoa học tự nhiên |                    |                  |                                                                                                    | 61,67                                 | 0                         | 61,67                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Không trúng tuyển |
| 379 | Đặng Thị Thủy Ngọc    |            | 20/4/1991 | Cử nhân             | Sư phạm Vật lý            |                    |                  | Chứng chỉ đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 76,00                                 | 0                         | 76,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Không trúng tuyển |
| 380 | Nguyễn Thị Thu Lại    |            | 12/6/1993 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 78,00                                 | 0                         | 78,00                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Trúng tuyển       |
| 381 | Nguyễn Thị Hà Thanh   |            | 09/4/1983 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ đã hoàn thành Chương trình bồi dưỡng giáo viên trung học cơ sở dạy môn Khoa học tự nhiên | 72,33                                 | 0                         | 72,33                    | Giáo viên môn Khoa học tự nhiên        | Giáo viên THCS hạng III   | V.07.04.32 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Không trúng tuyển |
| 382 | Nguyễn Thị Ngọc Hương |            | 31/5/1980 | Cử nhân             | Sư phạm Hóa học           |                    |                  | Chứng chỉ Nghiệp vụ Thông tin - Thư viện                                                           | 47,67                                 | 0                         | 47,67                    | Nhân viên Thư viện                     | Thư viện viên hạng IV     | V.10.02.07 | Trường THCS Lê Minh Xuân | Không trúng tuyển |

Danh sách có: 382 người, trong đó:

- Trúng tuyển: 93 người;

- Không trúng tuyển: 289 người./

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH